

**QUY ĐỊNH**  
**Về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển**  
**trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**  
(Kèm theo Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 06/7/2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về nội dung, trách nhiệm trong quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý và bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Điều 3. Nguyên tắc chung**

1. Công tác quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển phải bảo đảm công khai, minh bạch, có sự tham gia của cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan; bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.

2. Khi lập mới hoặc điều chỉnh các quy hoạch và thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, đề án, dự án phải thống nhất với bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển, đảm bảo không vi phạm các hoạt động bị nghiêm cấm, các hoạt động bị hạn chế theo Quy định này.

**Chương II**  
**NỘI DUNG QUẢN LÝ, BẢO VỆ HÀNH LANG BẢO VỆ BỜ BIỂN**

**Điều 4. Ranh giới, hành lang bảo vệ bờ biển**

1. Hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Trà Vinh là dải đất ven biển được thiết lập tại 07 khu vực theo Quyết định số 2657/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Trà Vinh được xác định tại Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chiều rộng, ranh giới các khu vực thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Điều 5. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển**

Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Trà Vinh thực hiện theo quy định tại Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển và được cắm dọc theo ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển; ở các vị trí thuận lợi, ổn

định, được mô tả rõ khoảng cách, phương vị từ vị trí này đến vị trí ranh giới trong đã được thiết kế trên bản đồ theo quy định.

### **Điều 6. Các hoạt động bị nghiêm cấm trong hành lang bảo vệ bờ biển**

1. Khai thác khoáng sản, trừ trường hợp đặc biệt được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

2. Xây dựng mới, mở rộng công trình xây dựng, trừ công trình phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa và các công trình xây dựng khác phục vụ lợi ích quốc gia, công cộng được Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

3. Xây dựng mới nghĩa trang, bãi chôn lấp chất thải.

4. Khoan, đào, đắp trong hành lang bảo vệ bờ biển, trừ hoạt động quy định tại Điều 25 của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

5. Lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang bảo vệ bờ biển.

6. Hoạt động làm sạt lở bờ biển, suy thoái hệ sinh thái vùng bờ, suy giảm giá trị dịch vụ của hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên.

### **Điều 7. Các hoạt động hạn chế trong hành lang bảo vệ bờ biển**

1. Trong hành lang bảo vệ bờ biển, hạn chế các hoạt động sau đây:

a) Khai thác nước dưới đất;

b) Khai hoang, lấn biển;

c) Cải tạo công trình đã xây dựng;

d) Thăm dò khoáng sản, dầu khí;

e) Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ làm suy thoái hệ sinh thái vùng bờ, suy giảm giá trị dịch vụ của hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên.

2. Việc khai thác nước dưới đất chỉ được tiến hành trong trường hợp khẩn cấp phục vụ phòng chống thiên tai, hỏa hoạn, khắc phục sự cố môi trường hoặc khai thác nước dưới đất phục vụ các mục đích khác khi không có nguồn nước nào khác để khai thác.

3. Việc khai hoang, lấn biển, thăm dò khoáng sản, dầu khí chỉ được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

4. Việc cải tạo công trình đã xây dựng chỉ được thực hiện nếu không làm thay đổi mục đích sử dụng, quy mô, kết cấu, độ sâu, chiều cao của công trình đã xây dựng hoặc việc cải tạo công trình đã xây dựng có tác động tốt hơn đối với việc duy trì, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

5. Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ làm suy thoái hệ sinh thái vùng bờ, suy giảm giá trị dịch vụ của hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên chỉ được

tiến hành khi đã có giải pháp bảo đảm không làm ảnh hưởng đến yêu cầu, mục tiêu của việc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển.

6. Ngoài các hạn chế nêu trên, các hoạt động quy định từ Khoản 1 đến Khoản 5 Điều này chỉ được phép thực hiện sau khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

### **Điều 8. Quản lý mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển**

1. Nghiêm cấm các hành vi dịch chuyển vị trí mốc giới trái phép, hành vi phá hoại, làm hư hỏng mốc giới.

2. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển phải được kiểm tra định kỳ hàng năm và có phương án khôi phục mốc giới khi bị hư hỏng, bảo đảm đúng quy cách mốc giới và vị trí mốc giới theo hồ sơ được lưu trữ.

### **Điều 9. Phối hợp quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển**

1. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ bờ biển, tiếp giáp với hành lang bảo vệ bờ biển; các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có hành lang bảo vệ bờ biển phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các nội dung có liên quan trong cấm mốc, khôi phục mốc, điều chỉnh, hiệu chỉnh, bảo vệ, khai thác sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kịp thời các thay đổi của hành lang bảo vệ bờ biển (nếu có) để các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã có hành lang bảo vệ bờ biển tổ chức cập nhật các thay đổi vào quy hoạch, kế hoạch.

3. Các Sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch, kế hoạch (hoặc điều chỉnh) phải rà soát ranh giới, phạm vi; đối chiếu các đối tượng quy hoạch với các hoạt động bị nghiêm cấm, các hoạt động bị hạn chế, các nội dung liên quan tại Quy định này, lấy ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi trình thẩm định, phê duyệt.

## **Chương III TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, BẢO VỆ HÀNH LANG BẢO VỆ BỜ BIỂN**

### **Điều 10. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Quy định này; đồng thời, tham mưu, giúp UBND tỉnh tổ chức việc thiết lập và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và các quy định có liên quan.

b) Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

c) Lưu trữ và cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan hành lang bảo vệ bờ biển, mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật. Hàng năm, tổ chức kiểm tra hiện trạng mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển và tổ chức khôi phục các mốc bị hư hỏng. Kiểm tra, thanh tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh theo quy định.

d) Định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả công tác quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định.

2. Các Sở, ban, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ và Quy định này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan thẩm định các dự án đầu tư có liên quan đến hành lang bảo vệ bờ biển, đảm bảo không mâu thuẫn, chồng chéo với hành lang bảo vệ bờ biển.

4. Sở Xây dựng: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác lập, thẩm định quy hoạch xây dựng đảm bảo tuân thủ các quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển; trong công tác quản lý chuyên ngành đảm bảo không mâu thuẫn, chồng chéo, xung đột với hành lang bảo vệ bờ biển.

6. Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh: Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bờ biển theo chức năng, nhiệm vụ quản lý.

### **Điều 11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã có hành lang bảo vệ bờ biển được thiết lập**

1. Tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo thẩm quyền; tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn quản lý.

2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên chưa khai thác, sử dụng trong hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của pháp luật.

3. Tham gia xây dựng và phối hợp thực hiện việc cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển; quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển; chịu trách nhiệm khi để xảy ra hiện tượng lấn chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn quản lý.

4. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn. Xử lý theo thẩm quyền, trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xử lý các hành vi vi phạm pháp luật quản lý hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn theo quy định.

5. Định kỳ hàng năm trước ngày 15 tháng 12, báo cáo công tác quản lý hành lang bảo vệ bờ biển của địa phương mình gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp.

**Điều 12. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có hành lang bảo vệ bờ biển được thiết lập**

1. Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ và các quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển; tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển;

2. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn. Xử lý theo thẩm quyền, trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý các hành vi vi phạm pháp luật quản lý hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn theo quy định.

3. Định kỳ hàng năm trước ngày 10 tháng 12, báo cáo công tác quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để theo dõi, tổng hợp.

**Điều 13. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan**

1. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển phải tuân thủ các quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ và Quy định này.

2. Việc khai thác, sử dụng tài nguyên thuộc hành lang bảo vệ bờ biển thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và đảm bảo không có các hoạt động bị nghiêm cấm, hạn chế theo Quy định này và quy định pháp luật liên quan.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.